TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI,** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày 24-9-2025
Vv tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương

2. Bà Trần Thị Minh Thâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 747/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Tòa nhà G, số E L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thúy H; địa chỉ: I N, phường Q, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy Hợp đồng uỷ quyền số 234/2024/UQ-LTT ngày 25/12/2024); vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy H trình bày:

Ngày 24/6/2021, ông T có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 112106263046503 với Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S vay tiền để vay tiêu dùng cá nhân theo hình thức trả góp hàng tháng với lãi suất 3,83%/tháng. Theo thoả thuận trong hợp đồng thì ông T có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông T phải thanh toán cho S1 số tiền 3.390.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày 30 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi S giải ngân và ông T đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân nhưng từ ngày 26/5/2022 đến nay, ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng trên và cố tình lẫn tránh, mặc dù S đã:

- Nhiều lần gọi điện yêu cầu ông T thanh toán.

Việc ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng số 112106263046503 mà hai bên đã thoả thuận và ký kết, đồng thời cũng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của S.

Sau khi giải ngân số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 112106263046503 với số tiền 52.750.000 đồng, ông Nguyễn Đình T đã không thanh toán cho S theo như thoả thuận nên ông T phải chịu lãi quá hạn và các khoản lãi khác do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng:

Theo đó, số tiền gốc còn lại mà ông Nguyễn Đình T cần phải thanh toán cho S2: 41.663.357 đồng

Lãi trong hạn: 0 đồng

Lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 13/11/2024): 9.665.197 đồng.

Lãi chậm trả (tạm tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 13/11/2024): 69.120.575 đồng.

Tổng cộng: 120.749.129 đồng.

Văn bản quy định về khung lãi suất cho vay tiêu dùng tại thời điểm ký kết hợp đồng ngày 24/6/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 thì Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 112106263046503 mà hai bên đã thoả thuận và ký kết là phù hợp.

Chính vì những lẽ trên, S khởi kiện ông Nguyễn Đình T yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho S, số tiền tính đến ngày xét xử 24/9/2025 tổng cộng 142.641.554 đồng trong đó nợ gốc 41.663.357 đồng, nợ lãi trong hạn 9.595.293 đồng, nợ lãi

quá hạn 91.382.904 đồng.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T phải tiếp tục thanh toán cho S1 tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng số 112106263046503.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2025, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày: Ngày 24/6/2021, ông có vay của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay tối đa 3,83%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay chi tiêu cá nhân. Sau khi vay ông đã trả được một ít còn lại số tiền gốc là 41.663.357 đồng. Từ đó đến nay vì kinh tế khó khăn nên ông chưa có tiền trả.

Nay Công ty S yêu cầu ông thanh toán số tiền tính đến ngày 13/11/2024 là 120.749.129 đồng (trong đó nợ gốc 41.663.357 đồng, nợ lãi 79.085.772 đồng) và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 14/11/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông đồng ý thanh toán khoản nợ tiền gốc 41.663.357 đồng vào ngày 30/6/2025 còn xin không thanh toán tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Đình T trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Thúy H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S, bị đơn ông Nguyễn Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, ông T, bà X.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Công ty T2 trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử nhận định: Tại bản tự khai ngày 19/3/2025, ông T

trình bày về việc ngày 24/6/2021 ông vay của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay tối đa 3,83%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay chi tiêu cá nhân. Ông xác nhận số nợ đến ngày 13/11/2024 là 120.749.129 đồng, đúng như số nợ tại đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S yêu cầu, ông đồng ý thanh toán khoản nợ tiền gốc 41.663.357 đồng vào ngày 30/6/2025 còn xin không thanh toán tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn tuy nhiên đến ngày 30/6/2025, ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S nên Công ty yêu cầu Toà án tiếp tục giải quyết. Như vậy, việc ông T vay vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S là có thật, phù hợp với Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay ngày 24/6/2021 mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S cung cấp.

[4] Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 112106263046503 ngày 24/6/2021, ông Nguyễn Đình T vay Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình. Ngày 26/6/2021 ông Nguyễn Đình T được Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S giải ngân cho vay số tiền 49.994.500 đồng; lãi suất cho vay 3,83%/tháng, thời hạn vay 24 tháng; Khoản vay này, ông T đã trả nợ gốc số tiền 11.086.643 đồng và đã trả tiền lãi 12.559.636 đồng. Tính đến hết ngày 24/9/2025 ông Nguyễn Đình T còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S tổng cộng 142.641.554 đồng trong đó nợ gốc 41.663.357 đồng, nợ lãi trong hạn 9.595.293 đồng, nợ lãi quá hạn 91.382.904 đồng.

[5] Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng ông Nguyễn Đình T trả nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 112106263046503 ngày 24/6/2021. Xét thấy, bà X không ký trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 112106263046503 ngày 24/6/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S cũng không chứng minh được bà X cùng sử dụng số tiền này với ông T nên căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S buộc bà X cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T.

[6] Bị đơn ông Nguyễn Đình T chỉ đồng ý trả khoản nợ tiền gốc 41.663.357 đồng vào ngày 30/6/2025 còn xin không thanh toán tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Yêu cầu xin không trả tiền lãi của ông T không được Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[7] Xét yêu cầu trả nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S: Do ông Nguyễn Đình T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đình T trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 112106263046503 ngày 24/6/2021 cho nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu.

Ngoài ra, ông T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông Nguyễn Đình T; Không chấp nhận yêu cầu không trả lãi của ông T.

[8] Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Đình T phải chịu 7.132.077 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn thành 7.132.000 đồng. Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc ông Nguyễn Đình T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S số tiền 142.641.554 đồng trong đó nợ gốc 41.663.357 đồng, nợ lãi trong hạn 9.595.293 đồng, nợ lãi quá hạn 91.382.904 đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 112106263046503 ngày 24/6/2021 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.132.000 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003058 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai).

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu